

TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 566/2025/HS-PT

Ngày: 17 - 11 - 2025

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Minh

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Thanh Dũng

Ông Phan Nhựt Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Minh Anh, Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Khánh Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 11 năm 2025, tại điểm cầu trung tâm là trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và điểm cầu thành phần là trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang (cơ sở 2) xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 249/2025/TLPT-HS ngày 08 tháng 4 năm 2025 đối với bị cáo Trần Trí M. Do có kháng cáo của bị cáo Trần Trí M đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2025/HS-ST ngày 20/02/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Bị cáo có kháng cáo:

Trần Trí M, sinh ngày 30/6/1980 tại huyện C, tỉnh Hậu Giang; nơi đăng ký thường trú: số I đường N, khóm F, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang (nay là phường C, tỉnh An Giang); nghề nghiệp: Mua bán; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Hoa; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; đảng, đoàn: không; con ông Trần H và bà Lê Thị Thanh V; vợ là Hồng Mỹ T1 và có 02 con; Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân:

Ngày 04/11/2022, bị Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xử phạt 08 năm tù về tội “Sản xuất, buôn bán hàng giả”. Ngày 03/11/2023, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh y án sơ thẩm 08 năm tù đối với Trần Trí M về tội “Sản xuất, buôn bán hàng giả”

Ngày 10/5/2023 bị Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xử phạt 11 năm tù về tội “Đưa hối lộ”. Ngày 24/11/2023 Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh y án sơ thẩm 11 năm tù đối với bị cáo Trần Trí M về tội “Đưa hối lộ”.

- Bị cáo đang chấp hành án tại Trại giam C (Có mặt tại điểm cầu thành phần).

* *Người bào chữa theo yêu cầu cho bị cáo Trần Trí M:* Ông Lê Văn P – Luật sư Văn phòng L2, thuộc Đoàn luật sư tỉnh A (có mặt tại điểm cầu thành phần).

- **Bị hại:** Chi cục thuế khu vực C - C

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng: Thuế cơ sở 8, tỉnh An Giang

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị V1 – Trưởng Thuế cơ sở 8, tỉnh An Giang (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số E, Phan Đình P1, khóm C, phường C, tỉnh An Giang

- *Người làm chứng:* Hồng Mỹ T1 (vắng mặt), Lưu Kim L (vắng mặt), Nguyễn Thị Kiều T2 (vắng mặt), Danh Thị L1 (vắng mặt), Trần Thanh H1 (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty trách nhiệm hữu hạn T3 (gọi tắt là Công ty T3) do Trần Trí M làm Giám đốc đại diện theo pháp luật, ngành nghề kinh doanh phụ tùng xe gắn máy, dầu nhớt các loại, có trụ sở chính tại số I đường N, phường C, thành phố C và Chi nhánh tại đường T, khóm C, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang. Công ty T3 được thành lập và hoạt động theo giấy phép kinh doanh số 1600791690 đăng ký lần đầu ngày 06/7/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 17/12/2018 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh A cấp và kê khai nộp thuế theo phương pháp khấu trừ tại C thuế khu vực C - C. Từ năm 2018 - 2020, lợi dụng chính sách thuế quy định cho doanh nghiệp tự kê khai, nộp thuế và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật theo quy định, để không phải nộp tiền thuế vào Ngân sách Nhà nước đúng với doanh thu hàng hóa bán ra, Trần Trí M bán hàng hóa nhưng không xuất hóa đơn bán hàng, không lập sổ ghi nhận doanh thu và kê khai báo cáo nộp thuế theo doanh thu thực tế. Mẫn đã chỉ đạo các kế toán nội bộ là Danh Thị L1, Nguyễn Thị Kiều T2, Lưu Kim L lập sổ theo dõi riêng cho từng khách hàng, khi bán hàng hóa thì nhập số liệu vào phần mềm bán hàng trên máy vi tính và ghi hàng hóa bán ra kèm số tiền hàng vào sổ khách hàng, sau đó đưa sổ khách hàng cho nhân viên đem giao hàng cho khách và nhận tiền về đưa L1, T2, L để nhập vào mục theo dõi công nợ phần mềm bán hàng trên máy vi tính, cuối ngày in bảng thống kê hàng hóa và số tiền bán được cho M, Hồng Mỹ T1 (vợ M) để báo cáo. Đồng thời M thuê Nguyễn Thanh H2 làm báo cáo tài chính, kê khai báo cáo nộp thuế nhưng không cung cấp hết các hóa đơn chứng từ liên quan việc sản xuất, kinh doanh thực tế của Công ty T3, mà kêu T1 (vợ M) chuyển một số các hóa đơn, chứng từ cho H2 để kê khai thuế một phần, nhằm mục đích trốn nộp

thuế. Tổng cộng từ năm 2018 đến năm 2020, doanh thu thực tế của Công ty T3 là 176.776.941.000 đồng, nhưng Trần Trí M chỉ báo cáo tài chính và kê khai thuế số tiền là 21.955.092.725 đồng, số doanh thu để ngoài không báo cáo tài chính, kê khai thuế là 154.821.848.275 đồng. Tổng số tiền Công ty đã trốn thuế là 46.446.545.483 đồng (trong đó thuế GTGT 15.482.181.828 đồng, thuế TNDN 30.964.363.655 đồng), cụ thể như sau:

Năm 2018: Doanh thu thực tế của Công ty là 51.113.583.000 đồng, Công ty chỉ kê khai báo cáo tài chính số tiền 6.252.614.257 đồng, để ngoài doanh thu là 44.860.941.743 đồng, số tiền trốn thuế là 13.458.282.523 đồng (thuế GTGT 4.486.094.174 đồng; thuế TNDN 8.972.188.349 đồng).

Năm 2019: Doanh thu thực tế của Công ty là 65.032.251.000 đồng, Công ty chỉ kê khai báo cáo tài chính số tiền 7.483.622.910 đồng, để ngoài doanh thu 57.548.628.090 đồng, số tiền trốn thuế là 17.264.588.427 đồng (thuế GTGT 5.754.862.809 đồng; thuế TNDN 11.509.725.618 đồng).

Năm 2020: Doanh thu thực tế của Công ty là 60.631.107.000 đồng, Công ty chỉ kê khai báo cáo tài chính số tiền 8.218.828.558 đồng, để ngoài doanh thu 52.412.278.442 đồng, số tiền trốn thuế là 15.723.683.532 đồng (thuế GTGT 5.241.227.844 đồng; thuế TNDN 10.482.455.688 đồng).

Căn cứ Kết luận giám định số 02 ngày 06/4/2022 của Cục thuế tỉnh A, xác định: Hành vi vi phạm pháp luật của Công ty T3 đã gây thiệt hại cho Ngân sách Nhà nước với số tiền cụ thể như sau:

Đơn vị tính: đồng

Năm	Tổng cộng số tiền gây thiệt hại cho Ngân sách Nhà nước	Trong đó	
		Thuế GTGT	Thuế TNDN
2018	13.458.282.523	4.486.094.174	8.972.188.349
2019	17.264.588.427	5.754.862.809	11.509.725.618
2020	15.723.683.532	5.241.227.844	10.482.455.688
2021	2.093.328.659	697.776.120	1.395.552.239
Tổng cộng	48.539.882.841	16.179.960.947	32.359.921.894

Tại Cáo trạng số: 139/CT-VKSAG-P1 ngày 28/11/2024, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang đã truy tố Trần Trí Mạnh về tội “Trốn thuế” theo khoản 3 Điều 200 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2025/HS-ST ngày 20/02/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang quyết định:

Tuyên bố bị cáo Trần Trí M phạm tội “Trốn thuế”.

Căn cứ khoản 3, khoản 4 Điều 200; Điều 38; Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt bị cáo Trần Trí M 03 (Ba) năm tù. Tổng hợp hình phạt với Quyết định tổng hợp hình phạt của nhiều bản án số 841/2024/QĐ-THHP ngày 15/4/2024 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là **22 (Hai mươi hai) năm tù**. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 02/3/2021)

Hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) để sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Truy thu để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước của bị cáo Trần Trí M số tiền 46.446.545.483đ (Bốn mươi sáu tỷ, bốn trăm bốn mươi sáu triệu, năm trăm bốn mươi lăm nghìn, bốn trăm tám mươi ba) đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 25/02/2025, bị cáo Trần Trí M có đơn kháng cáo kêu oan.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Trần Trí M không thừa nhận hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã nêu và kháng cáo kêu oan cho rằng bị cáo không phạm tội “Trốn thuế” do bản án sơ thẩm xét xử không đúng với hành vi thực tế bị cáo đã thực hiện và Kết luận giám định số 02 ngày 06/4/2022 của Cục thuế tỉnh A không đúng quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo Trần Trí M, Luật sư Lê Văn P trình bày: Về thủ tục khám xét, bị cáo chỉ có duy nhất một lần khám xét được tham gia, việc khởi tố một vụ án với tội danh rất nặng thì sự có mặt của bị cáo khi tiến hành các hoạt động điều tra cần có sự có mặt của bị cáo là phù hợp. Về vấn đề mua bán, cơ quan điều tra truy xuất trong thời gian dịch bệnh nhưng thực tế việc dịch bệnh ảnh hưởng đến toàn thể các cá nhân kinh doanh trong xã hội, như vậy số liệu giai đoạn này chưa hoàn toàn chính xác. Đối với 102 khách hàng, cơ quan điều tra lấy lời khai, trong đó có rất nhiều cơ sở sửa xe, tuy nhiên không xác định được số tiền mua bán chính xác mà chỉ xác định có việc mua bán, như vậy là bất lợi đối với bị cáo M. Về kết luận giám định, ở phiên tòa sơ thẩm cơ quan giám định xác định dựa trên số tiền cơ quan điều tra chuyển sang, từ đó mới quy kết buộc tội bị cáo, cần xác định việc quy kết của kết luận giám định là không chính xác. Đối với doanh số, tại phiên tòa sau khi được Hội đồng xét xử phân tích và giải thích, xác định hành vi trốn thuế của bị cáo là có nhưng số tiền quy kết đối với bị cáo là không đúng, quy kết như vậy là chưa chính xác. 02 lần tổng đạt kết luận điều tra và cáo trạng thì bị cáo đều có khiếu nại mà cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết khiếu nại là không phù hợp. Có 01 biên bản viện kiểm sát không tham gia, cơ quan điều tra có chứa lại cho đại diện viện kiểm sát ký vô sau để hợp thức hóa nhưng thực tế việc tiến hành hoạt động điều tra như vậy là chưa chính xác. Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh cho rằng không có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng của cấp

sơ thẩm là không phù hợp, về vấn đề có sự tham gia của kiểm sát viên và chữ ký trong biên bản là chưa thỏa đáng, kiểm sát viên cấp sơ thẩm đã thực hiện chưa đúng, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Bị cáo Trần Trí M trình bày: Từ khi khám xét đến khi thu giữ vật chứng và niêm phong vật chứng, mở vật chứng, khám xét vật chứng đã tiến hành vắng mặt bị cáo. Số liệu áp đặt cho bị cáo trốn thuế lấy trên một phần mềm nháp mà bị cáo sử dụng, trong phần mềm đó có nhiều nội dung, những công nợ khách hàng nhờ bị cáo thì thực tế có những mục không, để tạo doanh số ảo. Tổng kết là bị cáo lưu ở một phần mềm khác trên một máy tính khác. Việc không công khai thực hiện có sự có mặt của bị cáo, khi điều tra cũng không nhắc tới là bất lợi cho bị cáo. Việc xác minh thông qua các nhân chứng đã tiến hành không đúng. Về giám định, theo cơ quan điều tra thì phần mềm của bị cáo có hơn 3500 khách hàng, nói về doanh số cơ quan điều tra xác định là 174 tỷ đồng nhưng thực tế chỉ xác minh đối với 102 khách hàng, cơ quan điều tra chưa làm rõ được vấn đề con số cụ thể là bao nhiêu, những khách hàng có thừa nhận con số mà cơ quan điều tra đưa ra hay không. Nếu chỉ lấy thông tin từ 102 khách hàng trên 3564 khách hàng là không phù hợp. Bị cáo từng hỏi cán bộ điều tra về hóa đơn nào là hóa đơn không xuất, hàng hóa nào là hàng hóa không kê khai nhưng đều không xác định được. Việc buộc tội đối với bị cáo là không phù hợp, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét kháng cáo của bị cáo.

Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Xuyên suốt quá trình điều tra và xét xử, bị cáo luôn không thừa nhận về hành vi của mình. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo đưa ra các lý do kháng cáo kêu oan, thứ nhất về việc không cho bị cáo tham gia vào các quá trình niêm phong khám xét là không vi phạm vì việc này pháp luật cho phép có thể tiến hành vắng mặt bị cáo. Ngoài ra, bị cáo cho rằng tổng số khách hàng mà cơ quan điều tra chỉ lấy lời khai 102 khách hàng, thực tế khi lấy lời khai những người này đều thống nhất với nhau, thực tế không cần thiết phải đối chất với toàn bộ khách hàng. Cơ quan điều tra buộc tội bị cáo trên nhiều cơ sở, không chỉ dựa trên hoạt động đối chất. Về số tiền trốn thuế của bị cáo, dựa trên doanh số, doanh thu bán hàng, bị cáo đã báo cáo các số liệu không trung thực, số tiền bị cáo cho rằng chỉ có 22 tỷ đồng là không phù hợp. Về nội dung dịch bệnh covid ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của bị cáo là không có cơ sở xem xét, cơ quan tiến hành tố tụng đã xem xét đầy đủ các tài liệu, chứng cứ, tình tiết đối với bị cáo.

Việc bị cáo không đồng ý với cáo trạng và kết luận điều tra chỉ là quan điểm cá nhân của bị cáo, căn cứ để quy kết trốn thuế là bản tự khai của doanh nghiệp bị cáo với cơ quan thuế và báo cáo cơ quan thuế và cơ quan điều tra thu thập. Trên cơ sở lời khai của nhân viên công ty bị cáo và các khách hàng, số tiền chênh lệch đã thể hiện rõ ràng. Luật sư của bị cáo cho rằng vi phạm tố tụng là không có căn cứ. Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh cho rằng không phải đối chiếu và đối chất, luật sư đưa ra trường hợp kiểm sát viên không ký tại biên bản thì đề nghị luật sư nêu ra bút lục cụ thể để cấp phúc thẩm kiến nghị cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm và chấn chỉnh.

Không có căn cứ vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, về thủ tục tố tụng của vụ án là bảo đảm. Hành vi phạm tội của bị cáo đã rõ ràng, cấp sơ thẩm quy kết hành vi trốn thuế với bị cáo là có căn cứ, theo quy định của cơ quan thuế đã nêu rõ, bị cáo thành lập doanh nghiệp phải nắm rõ những nội dung này, bị cáo đã không làm theo đúng quy định. Xét thấy kháng cáo của bị cáo là không có cơ sở chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Trần Trí M làm trong thời hạn luật định, phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trần Trí M không thừa nhận hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã quy kết. Tuy nhiên, căn cứ lời khai của bị cáo, người làm chứng trong quá trình điều tra được thẩm tra công khai tại phiên tòa phù hợp với kết luận giám định, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Qua đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm có đủ cơ sở để xác định như sau:

[2.1] Trong thời gian từ năm 2018 – 2020, bị cáo Trần Trí M là Giám đốc đại diện theo pháp luật của Công ty T3, có hành vi bán hàng hóa không xuất hóa đơn, kê khai không đúng doanh thu hàng hóa bán ra để làm giảm số tiền thuế phải nộp với tổng số tiền là 46.446.545.483 đồng, trong đó thuế giá trị gia tăng là 15.482.181.828 đồng, thuế thu nhập doanh nghiệp là 30.964.363.655 đồng.

[2.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo cho rằng không phạm tội như bản án sơ thẩm đã xét xử. Tuy nhiên, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm và phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thừa nhận khi mua bán hàng hóa bị cáo không xuất hóa đơn, chứng từ. Ngoài ra, bị cáo cũng xác định doanh thu 176.776.941.000 đồng mà cơ quan điều tra thu thập được trên phần mềm máy tính của bị cáo là do bị cáo tự tạo ra, nhưng nhằm mục đích là cho đối tác thấy công ty làm ăn tốt để hùn vốn vào công ty nhưng bị cáo không có chứng cứ để chứng minh cho mục đích này, nên có căn cứ xác định những số liệu trên do cơ quan điều tra thu thập là chính xác và hợp pháp, chứng minh những doanh thu này là có thật và chênh lệch so với báo cáo tài chính hằng năm mà bị cáo quyết toán. Đồng thời, lời khai nêu trên của bị cáo còn phù hợp với các tang vật đã thu giữ, các tài liệu chứng cứ khác được thu thập khách quan đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án.

[2.3] Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Trần Trí M phạm tội “Trốn thuế” theo quy định tại khoản 3 Điều 200 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017) là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo kêu oan của bị cáo.

[3.1] Như đã phân tích tại mục [2.2], có căn cứ xác định bị cáo M đã thực hiện hành vi không xuất hóa đơn, chứng từ khi mua bán hàng hóa mà nhập số liệu vào phần mềm bán hàng trên máy vi tính để theo dõi, quản lý riêng, và kê khai không đúng doanh thu hàng hóa bán ra nhằm mục đích làm giảm số tiền thuế phải nộp vào Ngân sách Nhà nước. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo phạm tội “Trốn thuế” là đúng người, đúng tội, không oan.

[3.2] Ngoài ra, bị cáo còn kháng cáo cho rằng Kết luận giám định số 02 ngày 06/4/2022 của Cục thuế tỉnh A không đúng quy định của pháp luật, tuy nhiên, Kết luận giám định số 02 đã được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền do pháp luật quy định, bị cáo không cung cấp được chứng cứ chứng minh có vi phạm trong quá trình giám định nên không có căn cứ chấp nhận. Hơn nữa, bị cáo cũng xác định doanh thu 176.776.941.000 đồng mà cơ quan điều tra thu thập được trên phần mềm máy tính của bị cáo là do bị cáo tự tạo ra, số liệu này phù hợp với kết luận giám định số 02 về doanh thu của công ty T3 từ năm 2018 đến 2020 để làm căn cứ giám định, riêng năm 2021 Công ty T3 trốn thuế số tiền 2.093.328.359 đồng nhưng ngày 02/03/2021 M bị phát hiện, bắt giữ trong vụ án “*Sản xuất, buôn bán hàng giả*”, chưa đến kỳ kê khai thuế theo quy định nên cấp sơ thẩm không quy kết trách nhiệm hình sự Mạnh đối với số tiền này, là phù hợp. Vì vậy, nội dung kháng cáo này của bị cáo là không có căn cứ chấp nhận.

[3.3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến lĩnh vực thuế và tài chính được pháp luật bảo vệ, làm quần chúng nhân dân lên án và bất bình. Do đó, cần phải xử lý nghiêm mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

Bị cáo phạm tội với số tiền trốn thuế rất lớn (46.446.545.483 đồng), gấp nhiều lần số tiền định khung hình phạt (1.000.000.000 đồng); bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nhưng cũng không có tình tiết giảm nhẹ nào và có nhân thân xấu, nhiều lần bị kết án nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chỉ xử phạt bị cáo 03 năm tù đã là có lợi cho bị cáo, nên Hội đồng xét xử giữ nguyên mức hình phạt đối với bị cáo.

[5] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Trí M và giữ nguyên bản án sơ thẩm. Quan điểm của vị đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Án phí hình sự phúc thẩm: bị cáo Trần Trí M phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Trí M. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2025/HS-ST ngày 20/02/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

[1] Tuyên bố bị cáo Trần Trí M phạm tội “Trốn thuế”.

[2] Căn cứ khoản 3, khoản 4 Điều 200; Điều 38; Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Trần Trí M 03 (Ba) năm tù. Tổng hợp hình phạt với Quyết định tổng hợp hình phạt của nhiều bản án số 841/2024/QĐ-THHP ngày 15/4/2024 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là **22 (Hai mươi hai) năm tù**. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 02/3/2021)

Hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) để sung vào Ngân sách Nhà nước.

[3] Truy thu để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước của bị cáo Trần Trí M số tiền 46.446.545.483đ (Bốn mươi sáu tỷ, bốn trăm bốn mươi sáu triệu, năm trăm bốn mươi lăm nghìn, bốn trăm tám mươi ba) đồng.

[4] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Án phí hình sự phúc thẩm: bị cáo Trần Trí M phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VCTVKSEXPT tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Công an tỉnh An Giang;
- THADS tỉnh An Giang;
- TTG số 01 Công an tỉnh An Giang;
- “Đề tổng đạt cho bị cáo”;
- Lưu hồ sơ vụ án (3). VP 06, 18b. (LMA).

- (1)
- (1)
- (2)
- (1)
- (1)
- (1)
- (1)
- (1)
- (1)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Minh